

HOẠT ĐỘNG TRỒNG TRỌT CỦA NGƯỜI THÁI TÁI ĐỊNH CƯ Ở XÃ CHIỀNG BẰNG, HUYỆN QUỲNH NHAI, TỈNH SƠN LA

PHẠM QUANG LINH

1. Mở đầu

Người Thái là tộc người chiếm dân số lớn nhất tỉnh Sơn La và cũng là tộc người bị ảnh hưởng nặng nề nhất khi thủy điện Sơn La được xây dựng. Cuộc sống của đa số người Thái sống vùng lòng hồ hiện vẫn dựa vào hoạt động trồng trọt. Do đó, tìm hiểu cuộc sống sau khi tái định cư (TĐC) nói chung, hoạt động trồng trọt nói riêng của tộc người này luôn là vấn đề được Đảng và Nhà nước quan tâm sâu sắc.

Chiềng Bằng là một trong 10 xã được quy hoạch TĐC trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Tại xã, hiện có 18 điểm TĐC với tổng số 702 hộ, 3.390 khẩu (chiếm 54,13% dân số xã). Trong đó, 100% là người Thái và tất cả đều TĐC dưới hình thức tập trung nông thôn (Ban quản lý dự án di dân tái định cư huyện Quỳnh Nhai, 2015, tr. 3-5). Người dân nơi đây TĐC theo nhiều giai đoạn khác nhau, lâu nhất được hơn 10 năm, ngắn nhất cũng gần 5 năm. Do có thời gian TĐC tương đối dài, cuộc sống của người dân trên địa bàn xã hiện đã đi vào ổn định. Hoạt động trồng trọt của người dân được các cấp chính quyền đánh giá đạt hiệu quả cao so với những địa bàn TĐC khác.

Bài viết phản ánh những kết quả điền dã thực địa tập trung tại hai bản TĐC (bản Bía và Co Trăn) vào tháng 9/2015, qua các tư liệu do UBND xã Chiềng Bằng và Ban quản lý di dân TĐC huyện Quỳnh Nhai cung cấp.

2. Hiện trạng trồng trọt của người dân tái định cư

So với trước TĐC, diện tích đất sản xuất của người Thái hiện nay bị sụt giảm nhiều lần. Việc sụt giảm diện tích đất của người dân là điều đã được chứng minh trong nhiều báo cáo, công trình nghiên cứu. Gần đây nhất, trong báo cáo tại Hội nghị Thái học toàn quốc lần thứ VII, Phạm Văn Lợi đã khẳng định “...việc suy giảm diện tích đất, cả đất canh tác và đất ở, của các cộng đồng cư dân TĐC là chuyện đương nhiên, không tránh khỏi. Thậm chí, sự suy giảm diện tích đất canh tác còn lan sang cả những hộ dân phải nhường đất cho việc xây dựng các khu điểm TĐC” (Phạm Văn Lợi, 2015, tr. 479). Tác giả đã ra những dẫn chứng cho điều này trong Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Diện tích đất trung bình của các hộ tái định cư huyện Quỳnh Nhai

Đơn vị: m²

	Đất trồng lúa nước	Đất nuơng rẫy	Đất màu, cây ăn quả	Đất trồng cây công nghiệp	Đất rừng	Đất vườn	Tổng diện tích các loại đất
Trước TĐC	3.479,20	27.133,20	5.747,20	608,20	11.480,40	963,40	49.411,60
Sau TĐC	239,40	3.481,70	288,00	-	941,60	250,30	5.201,00

Nguồn: Phạm Văn Lợi, 2015, tr. 482.

Không chỉ thấp hơn rất nhiều so với diện tích trước khi TĐC, diện tích đất sản xuất hiện tại của người dân cũng thấp hơn nhiều khi so với các số liệu được ghi trong báo cáo rà soát của Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La là 1,9 ha/hộ (Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La, 2010, tr. 80). Sở dĩ có sự sụt giảm này là do quá trình triển khai thực hiện TĐC đã phát sinh nhiều hộ dân phá cam kết, không di chuyển đến các khu điểm TĐC đã quy hoạch dẫn đến sự điều chỉnh bổ sung các điểm TĐC tạm (Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Nhai, 2015, tr. 2). Theo thông tin trao đổi với lãnh đạo huyện Quỳnh Nhai, diện tích đất trung bình của các hộ TĐC trên địa bàn xã Chiềng Bằng thấp hơn diện tích TĐC trung bình của huyện vì Chiềng Bằng là xã tập trung chủ yếu số hộ TĐC không theo quy hoạch của huyện.

Tại bản Bìa, công tác chia lại đất sản xuất được hoàn thành vào tháng 5/2013 với mức trung bình là 750 m²/nhân khẩu. Công

tác này tại bản Co Trăn được hoàn thành vào năm 2014. Diện tích bản Co Trăn lớn hơn bản Bìa nên mỗi nhân khẩu TĐC ở đây được nhận khoảng 1.200m².¹ Dù có sự khác biệt trong diện tích đất được chia giữa người dân ở các bản TĐC nhưng không hề xuất hiện hiện tượng so đo hay ganh tị vì việc bố trí TĐC dựa trên sự thỏa hiệp giữa nguyện vọng TĐC của người dân và các cấp chính quyền. Tại các bản TĐC, việc chia đất cũng dựa trên sự đồng thuận của toàn bộ người dân và có sự chứng kiến của chính quyền cùng các tổ chức chính trị, đoàn thể.

2.1. Trồng lúa nước

Canh tác ruộng nước là phương thức hoạt động chính và lâu đời của tộc người Thái vùng thung lũng chân núi thuộc vùng lòng hồ thủy điện Sơn La [Phạm Quang Hoan (Chủ biên), 2012, tr. 19]. Hiện nay, tại xã Chiềng Bằng, đa số các hộ không còn đất

¹ Diện tích đất sản xuất này đã bao gồm cả đất ruộng. Theo Nghị quyết 32 của Đảng ủy huyện Quỳnh Nhai, những hộ nào vẫn còn ruộng hoặc nương không bị thu hồi sẽ được ưu tiên giữ lại tiếp tục sản xuất và được bù thêm số diện tích còn thiếu.

ruộng do bị ngập dưới lòng hồ. Chỉ một số ít giữ được đất ruộng, nhưng diện tích nhỏ hơn nhiều so với trước TĐC. Bản Co Trặn hiện chỉ còn 10 hộ có đất ruộng với tổng diện tích đạt 13.800m², trung bình mỗi hộ đang canh tác 1.380m². Hộ nhiều nhất là gia đình ông Lò Văn Toàn với 2.000m², hộ ít nhất là ông Lò Văn Khoán với 400m². Tại bản Bĩa, có 48 hộ đang canh tác lúa nước trên tổng diện tích 46.880m², trung bình đạt 976,67 m²/hộ. Hộ sở hữu nhiều ruộng nhất là gia đình ông Lò Văn Banh với 5.000m², hộ sở hữu ít nhất là ông Lò Văn Yêu với 300m².²

Đa số người dân trên địa bàn xã Chiềng Bằng TĐC dưới hình thức tập trung nông thôn di vón³. Với hình thức TĐC này, việc sử dụng đất trong trồng lúa của người dân TĐC nơi đây cũng có những nét riêng biệt. Trưởng bản Co Trặn cho biết: *“Người dân của bản đã thuê máy xúc và cải tạo được khoảng hơn 1ha đất ruộng có thể canh tác vào mùa nước rút”*. Diện tích khai phá này tương đương diện tích ruộng canh tác thường xuyên của bản. Tuy nhiên, diện tích ruộng khai phá này chỉ có thể canh tác một vụ vào mùa khô khi mực nước lòng hồ xuống thấp. Người dân bản Co Trặn cho biết, họ thường canh tác trên diện tích ruộng này từ tháng Ba, Bốn đến tháng Sáu, Bảy Âm lịch. Mực nước thấp nhất của hồ thủy điện có thể giảm xuống còn 160 - 170m, khi lên cao nhất sẽ quay lại mức 218m. Với bản Bĩa, theo trưởng bản, vẫn có một số hộ dân tận dụng canh tác diện tích đất ruộng vào mùa nước rút, nhưng các hộ trong bản chưa

đầu tư khai phá như ở bản Co Trặn dù một số hộ đã có dự định làm điều ấy.

Tại nơi ở mới, cùng với sự phát triển chung của huyện và giao lưu văn hóa với các tộc người xung quanh, người Thái TĐC đã có những thay đổi lớn về nhận thức thể hiện qua việc tiếp nhận những kiến thức khoa học kỹ thuật mới. Họ đã cân nhắc, xem xét khi lựa chọn giống. Mỗi một vụ lúa, người Thái lại tìm hiểu những giống lúa mới phù hợp nhất. Hiện nay, chủ yếu người dân TĐC ở xã Chiềng Bằng đang trồng giống lúa nếp 87, 97. Đây là giống lúa mới nhất, phù hợp với khí hậu, chất đất của xã và cho sản lượng cao nhất ở thời điểm hiện tại.

Bên cạnh việc thay đổi giống lúa, người dân cũng sử dụng phân bón nhiều hơn. Họ nhận thức được hiệu quả của việc bón phân: *“Nếu bón phân, sẽ thu được năng suất cao hơn. Trước đây, bón phân ít nên năng suất chỉ đạt khoảng 4 tấn/ha, giờ bón gấp 2, 3 lần nên năng suất tăng lên 5,5 - 6 tấn/ha”*⁴. Hiện nay, 100% người dân TĐC đều sử dụng phân bón trong quá trình trồng trọt.

Cùng với việc sử dụng phân bón, máy móc kỹ thuật hiện đại cũng được người dân ưa dùng. Vài năm trở lại đây, sau khi nhận được tiền đền bù, nhiều hộ gia đình đã mua máy cày, máy tuốt, máy xay xát... để giảm sức lao động chân tay. Trưởng bản Bĩa cho biết *“Hiện nay, máy xay xát cá nhân hầu như nhà nào trong bản cũng có. Máy cày thì hai, ba nhà chung một chiếc và bắt đầu dùng nhiều từ năm 2010 trở lại đây. Trâu bò hiện*

² Số liệu được lấy từ sổ theo dõi chia đất của Trưởng bản Bĩa và Trưởng bản Co Trặn trong đợt điền dã vào tháng 9/2015.

³ Hình thức TĐC di vón nghĩa là người dân vẫn sống tại địa bàn cũ nhưng di chuyển lên độ cao lớn hơn, trên mức nước ngập của lòng hồ thủy điện.

⁴ Thông tin trích từ cuộc thảo luận nhóm tại nhà trưởng bản Bĩa trong đợt nghiên cứu điền dã vào tháng 9/2015.

nay người dân trong bản chỉ nuôi sinh sản vì đã có máy móc để làm các công việc trước đây cần sức kéo của trâu bò”.

2.2. Canh tác nương rẫy

Trước đây, người Thái canh tác lúa nước trên diện tích rộng và nguồn lương thực chủ yếu đến từ lúa nước. Nay tại nơi ở mới, khi diện tích ruộng đã bị thu hẹp đáng kể, canh tác lương thực trên nương trở thành nguồn thu chính của nhiều hộ gia đình.

Điểm khác biệt lớn nhất trong quá trình canh tác nương rẫy của người Thái trước kia so với hiện nay là cư dân địa phương đã có sự thay đổi về lựa chọn giống và cách thức chăm sóc. Do trước kia đất đai rộng lớn và màu mỡ nên người Thái ít khi dùng phân bón, có chăng chỉ dùng phân chuồng. Hiện nay, đa số người Thái sử dụng phân bón hóa học trong trồng trọt. Trước kia, người dân hầu như không cuốc đất trước khi trồng. Giờ đây, do đất quá bạc màu nên họ bắt buộc phải cuốc đất để đất có thể hấp thụ đều các chất dinh dưỡng khi bón phân.

Tại xã Chiềng Bằng nói chung và hai bản TĐC được nghiên cứu nói riêng, người dân hầu như không trồng lúa nương do chưa có giống thích hợp. Cây trồng chủ lực trên nương của người Thái ở xã Chiềng Bằng hiện nay là ngô và sắn do giống của hai loại cây trồng này đều có năng suất tốt, hợp khí hậu và chất đất. Diện tích trồng ngô và trồng sắn gần như tương đương nhau ở các bản TĐC. Ở bản Bĩa, diện tích nương ngô là 10,34ha và nương sắn là 10,24ha. Tuy nhiên, diện tích trồng hai loại cây này chỉ mang tính tương đối và có thể thay đổi hàng năm tùy vào quyết định trồng loại cây nào của

người dân. Quyết định này lại phụ thuộc vào giá hai sản phẩm đó trên thị trường và nhu cầu sử dụng sản phẩm của mỗi gia đình.

2.2.1. Trồng ngô

Hiện nay người Thái TĐC tại xã Chiềng Bằng chủ yếu trồng ngô nếp và ngô lai. Ngô lai được trồng để bán hoặc phục vụ chăn nuôi trong khi ngô nếp chủ yếu phục vụ nhu cầu lương thực. Do điều kiện kinh tế của các hộ gia đình ngày càng được cải thiện cùng với việc mua bán lúa gạo giờ đây cũng dễ dàng nên số hộ trồng ngô nếp ngày càng giảm. Ngô nếp thường chỉ được người Thái trồng trên một diện tích vừa phải hoặc trồng xen canh với sắn. Ngô lai hiện đang được người Thái trồng phổ biến với những giống chính là ngô lai 10, ngô lai 888 được mua ở Vật tư nông nghiệp huyện với giá khoảng 120.000 đồng/kg giống. Khác với ngô nếp, ngô lai được trồng riêng biệt tập trung trên diện tích lớn. Trung bình, người Thái gieo 1kg giống/1.000m², tối đa 12 - 13kg giống/ha. Trưởng bản Co Trăn cho biết, nếu thâm canh tốt, 1ha ngô có thể cho sản lượng lên tới hơn 8 tấn. Trung bình, các hộ đang thu hoạch với năng suất 5 - 6 tấn/ha. Năm 2015, giá ngô được mua dao động trong khoảng 4.000 - 5.000 đồng/kg, tức 1ha ngô mang về cho người dân khoảng 25 triệu đồng, tối đa có thể lên tới 40 triệu đồng. Đa phần các hộ dân được hỏi đều cảm thấy hài lòng với chất lượng giống và sản lượng ngô hiện tại.

2.2.2. Trồng sắn

Cùng với ngô, sắn là cây trồng chủ lực của người dân TĐC ở xã Chiềng Bằng. Tại bản Bĩa, 50/57 hộ dân (87,72%) trồng sắn.

Trồng nhiều nhất là hộ gia đình ông Là Văn Hóm, Là Văn Bang với 6.500 hom⁵. Nếu như cách đây khoảng 5 - 7 năm, người Thái chủ yếu trồng giống sắn địa phương với sản lượng tương đối thấp thì nay hoạt động trồng sắn đã có sự nhiều thay đổi. Người Thái tại xã Chiềng Bằng hiện chủ yếu trồng sắn giống cao sản.

Người dân bản Bia cho biết, họ bắt đầu chuyển đổi từ giống sắn địa phương sang giống sắn cao sản vào khoảng những năm 2007 - 2008. Nếu như trước đây, giống địa phương chỉ cho sản lượng 11 - 12 tấn/ha thì giống cao sản hiện nay cho sản lượng lên tới 25 - 30 tấn/ha, gấp hơn hai lần so với giống cũ. Cả hai giống đều được người dân thu hoạch 1 vụ/năm. Tuy nhiên, với giống sắn cao sản mới, người dân thường tăng khối lượng phân bón lên gấp đôi để nâng cao sản lượng và năng suất. Với người Thái ở bản Co Trăn, giống sắn mới được họ trồng khoảng 3 - 4 năm trở lại đây. Giống sắn này được người dân bản Co Trăn lấy từ người dân TĐC của xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu sau khi chứng kiến sự phát triển tốt của cây sắn tại đây. Hàng năm, người dân lựa chọn và giữ giống cho năm sau. Sắn được người dân trồng theo kỹ thuật nhất định, thường là 4 hom/m², khoảng 7 - 8 bó giống/ha (mỗi bó khoảng 30kg). Sản lượng thu hoạch hàng năm đạt khoảng 20 - 30 tấn/ha. Năm 2013, có thời điểm giá sắn được mua vào tới 1.400 - 1.500 đồng/kg, nhưng trong năm 2015 giá sắn chỉ dao động quanh mức 1.000 đồng/kg. Sắn được bán và phục vụ cho hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm

của gia đình. Đa số người dân TĐC khi được hỏi đều cảm thấy hài lòng với chất lượng và sản lượng sắn cao sản mà họ đang trồng.

2.3. Trồng rau

Trước đây, người Thái vẫn thường trồng các loại rau, củ, quả. Tại nơi ở cũ, người Thái có diện tích đất trồng rau lớn. Rau được trồng xung quanh nhà nhằm phục vụ nhu cầu tự cung tự cấp của gia đình. Hiện nay, tổng diện tích đất ở và đất vườn nhà mỗi hộ dân TĐC chỉ được cấp gần 400m². Do đó, diện tích trồng rau của các hộ gia đình đã bị thu hẹp một cách đáng kể. Quan sát trong quá trình điền dã cho thấy, diện tích đất dành cho trồng rau của mỗi hộ dân chỉ chiếm chưa đến 1/3 của 400m². Tuy nhiên, tại nơi ở mới, hệ thống cơ sở hạ tầng thuận lợi (đường sá, giao thông...) cùng với việc áp dụng tốt khoa học kỹ thuật (giống mới, phân bón...) nên người dân TĐC giờ đã trồng rau quanh năm và nhiều hộ đã mang rau ra chợ bán để kiếm thêm thu nhập.

Mùa nào rau nấy. Tại bản Co Trăn, các loại rau thường được trồng vào mùa thu gồm rau cải muối dưa, rau xà lách, cải cuốn... Mùa hè phổ biến với rau muống và rau ngót. Cải ngọt được trồng vào mùa xuân và bắp cải được trồng nhiều vào mùa đông. Hiện tại, người Thái ở đây đang có phong trào trồng rau gai. Đây là loại rau dại mọc quanh năm nhưng thường được hái vào mùa xuân. Vài năm trở lại đây, nhu cầu mua loại rau này tăng lên đột biến nên nhiều hộ dân đã trồng cả rau gai trong vườn nhà để mang ra chợ bán với giá 1.000 đồng/kg. Người dân cho biết, loại rau này dùng để nấu canh và rất được ưa chuộng, lúc nào bán cũng có người mua.

⁵ Hom sắn là một đoạn thân cây sắn, với chiều dài khoảng 15 - 20cm, có ít nhất 6 - 8 mắt.

Theo số liệu thu được từ *Phiếu thu thập thông tin diện tích cây hàng năm năm 2015 từ các hộ ở bản Bĩa*, chỉ riêng trong vụ Đông xuân, người dân của bản đã gieo trồng và thu hoạch 17 loại rau, củ, quả gồm rau muống, cải các loại, rau cần, rau mùng toi, rau ngót, cải bắp, dưa chuột, bí xanh, mướp... với tổng diện tích lên đến 6.764m². Trong đó, rau muống được trồng nhiều nhất với 51/57 hộ (89,47%) trồng, bình quân 42,1 m²/hộ. Cùng với rau muống, các loại rau cải, rau mùng toi, rau ngót, cải bắp, rau dền, bí đỏ, cà tím, cà pháo là những loại rau, củ, quả được trên 30% số hộ trong thôn gieo trồng. Tuy nhiên, chỉ có rau cải, rau mùng toi, cải bắp là được trồng với diện tích trung bình đạt 20m²/hộ trở lên. Các loại rau, củ, quả khác được trồng trên một diện tích hết sức nhỏ hẹp.

Trưởng bản Bĩa cho biết, sản lượng rau của bản đang ngày càng tăng vì người dân đã biết sử dụng phân bón hóa học. Xu hướng đi bán rau, củ, quả những năm gần đây cũng phát triển mạnh do việc đi lại mua bán thuận lợi. Rau trồng giờ đây có thể bán quanh năm tại chợ huyện. Mỗi lần đi bán, người Thái có thể thu về khoảng 300.000 - 400.000 đồng mà chỉ mất phí vào chợ 2.000 - 5.000 đồng. Việc có nguồn thu nhập từ bán rau là một trong những điểm khác biệt lớn so với cuộc sống trước đây của người dân.

2.4. Trồng cây ăn quả, cây công nghiệp

2.4.1. Cây ăn quả

Trước đây, với diện tích đất tại nơi ở cũ khá rộng lớn, nguồn thu từ cây ăn quả đóng góp không nhỏ vào kinh tế của người Thái. Tất cả các hộ được phỏng vấn tại hai bản TĐC đều cho biết, trước đây, họ có

trồng cây ăn quả. Cây ăn quả trước đây được người Thái trồng phổ biến nhất tại nơi ở cũ là những loại cây phù hợp với khí hậu nóng, ẩm vùng ven sông như nhãn, xoài... Chúng được trồng chủ yếu tại nơi đất đai màu mỡ nên năng suất rất cao. Trước đây, hộ ít nhất trồng vài trăm mét vuông, còn hộ trồng nhiều lên tới 1 - 2ha. Hiện nay, diện tích đất sản xuất bị thu hẹp trong khi người dân phải trồng nhiều loại cây nên nhiều hộ thậm chí không còn trồng cây ăn quả.

Theo Trưởng bản Co Trặn, trước đây, sản lượng cây ăn quả của một số hộ có thể lên đến hàng tấn. Hoa quả không chỉ được dùng để ăn mà còn trở thành hàng hóa, được bán để kiếm thêm thu nhập lên đến chục triệu đồng/năm. Nay, đa số các hộ dân trong bản chỉ còn trồng 10 - 20 cây để phục vụ nhu cầu của gia đình. Hiện tổng diện tích cây ăn quả toàn bản Bĩa chỉ khoảng 1ha, tức mỗi hộ trồng trung bình chưa đến 200m².

2.4.2. Cây cao su

Cao su, chè, cà phê là những loại cây công nghiệp chuyển đổi mà Ban quản lý dự án di dân TĐC định hướng cho người Thái trồng tại nơi ở mới nhằm mang lại cho họ một loại cây trồng mới với năng suất và nguồn lợi lớn hơn so với các cây trồng cũ. Tuy nhiên, tại địa bàn xã Chiềng Bằng, với thời tiết khí hậu đặc trưng, người dân chỉ có thể trồng cao su. Năm 2014, diện tích cây ăn quả trên địa bàn chỉ là 47,13ha trong khi diện tích trồng cây cao su cao gấp 10 lần, đạt 478,67ha (Ủy ban nhân dân xã Chiềng Bằng, 2014, tr. 2).

Tại bản Bĩa, mỗi nhân khẩu đang trồng và chăm sóc trung bình 628m² cao su. Theo số liệu do Trưởng bản Bĩa cung cấp, tính đến

ngày 1/7/2015, tổng diện tích cao su của cả bản đang quản lý đạt khoảng 19,44ha. Người Thái TĐC ở bản Bĩa bắt đầu trồng cao su từ năm 2008. Theo Nghị quyết 663 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La, người dân trồng cao su được hỗ trợ công chăm sóc, nuôi trồng cao su bằng tiền mặt trong vòng 7 năm và được hứa mỗi hộ gia đình sẽ có một người được tuyển vào làm công nhân tại công ty cao su. Tuy nhiên, đến thời điểm điền dã (tháng 9/2015), người dân bản Bĩa vẫn chưa thể thu hoạch cao su do cây chưa đạt đến độ chín và cũng chưa có bất kỳ nhân khẩu nào trong bản được thu hút làm công nhân tại công ty cao su. Tình hình tương tự xảy ra với hầu khắp các bản trong xã.

3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động trồng trọt

Trên địa bàn xã hiện vẫn còn xảy ra các vụ tranh chấp đất đai. Những tranh chấp này chủ yếu gắn với việc người dân chưa nhận được tiền đền bù đất sản xuất. Nguyên nhân là vì nhiều hộ dân trước đây, ngoài diện tích đất đã được cấp sổ đỏ, còn có những mảnh đất khai hoang canh tác lâu năm nhưng chưa làm sổ hoặc không được chính quyền cấp sổ (dù không có tranh chấp). Đây thường là những diện tích đất ở trên đỉnh núi và không có sự tranh giành giữa người dân với nhau. Khi lòng hồ thủy điện được tích nước, người dân di vén lên trên và những diện tích đất này được chia cho người dân TĐC thì mâu thuẫn mới bắt đầu nảy sinh. Tại bản Co Trăn, nhiều hộ dân dù đã được chính quyền cấp sổ đỏ nhưng vẫn không thể canh tác được trên những diện tích này vì bị “chủ cũ” của mảnh đất cản trở.

Nhiều trường hợp mâu thuẫn dẫn đến mắng chửi, xô xát. Các hộ dân TĐC đã có đơn kiện lên chính quyền, nhưng phía chính quyền cũng chưa có giải pháp để giải quyết dứt điểm tình trạng này. Chính điều này đã dẫn đến bức xúc cho người dân từ cả hai phía: phía không nhận được tiền đền bù cho mảnh đất họ đã bỏ công khai phá, canh tác lâu năm và phía được giao đất nhưng không thể canh tác dẫn đến không đảm bảo sản lượng cây trồng.

Sạt lở cũng là một trong những tác nhân gây ảnh hưởng tới hoạt động trồng trọt của người dân xã Chiềng Bằng. Đề án xây dựng nông thôn mới của xã năm 2013 đã nhận thức được rõ vấn đề này: “...*Tuy nhiên, có những bất lợi cần khắc phục, như xảy ra hạn hán, nắng nóng kéo dài, thỉnh thoảng có dông, mưa đá, sạt lở đất, gây không ít khó khăn cho sản xuất và đời sống*” (Ủy ban nhân dân xã Chiềng Bằng, 2013, tr. 13). Ban quản lý dự án di dân TĐC huyện Quỳnh Nhai cho biết, kể từ khi người dân TĐC, đã có khá nhiều vụ sạt lở diễn ra, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Năm 2014, 62 hộ TĐC trên địa bàn xã bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 2. Cơn bão này đã gây sạt lở trên diện rộng. 41/62 hộ TĐC (trong đó, có 33 hộ bị sạt lở, 8 hộ bị ảnh hưởng nặng) (66,13%) phải di chuyển đến điểm TĐC mới (Ban quản lý dự án di dân tái định cư huyện Quỳnh Nhai, 2014, tr. 5).

Kết luận

Có thể thấy, khó khăn lớn nhất trong quá trình triển khai các hoạt động trồng trọt của người dân TĐC ở xã Chiềng Bằng là

diện tích đất sản xuất bị thu hẹp đáng kể dẫn tới tổng sản lượng lương thực suy giảm mạnh so với trước đây. Những kinh nghiệm canh tác truyền thống cũng ít có khả năng sử dụng do sự thay đổi về điều kiện tự nhiên, môi trường, thổ nhưỡng. Tuy nhiên, xét một cách toàn diện, nguồn thu từ hoạt động trồng trọt tại nơi ở mới đã đáp ứng phần nào cuộc sống của người dân. Hoạt động trồng trọt nói riêng và quá trình ổn định cuộc sống nói chung của người Thái TĐC đang diễn ra tích cực. Việc người dân biết cách tận dụng, khai thác nguồn tài nguyên đất một cách tối đa, đồng thời áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật (máy móc, phân bón...) đã giúp năng suất cây trồng tăng lên đáng kể. Nếu trong thời gian tới, Nhà nước có thể giải quyết được những tranh chấp đất đai đang còn tồn đọng để hoàn thành việc giao đất cho người dân, triển khai các biện pháp kỹ thuật để hạn chế, chống hiện trạng sạt lở, xói mòn đất và cây cao su được thu hoạch thì hoạt động trồng trọt của người dân sẽ càng ổn định và tốt hơn rất nhiều.

Tài liệu tham khảo

1. Ban quản lý dự án di dân tái định cư huyện Quỳnh Nhai (2014), Báo cáo “*Tổng kết công tác di dân tái định cư năm 2014, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp thực hiện năm 2015*”.
2. Ban quản lý dự án di dân tái định cư huyện Quỳnh Nhai (2015), Báo cáo “*Tổng hợp, rà soát số hộ, số khẩu dự án tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai*”.
3. Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La (2010), Báo cáo “*Rà soát bổ sung Quy hoạch tổng thể di dân, TĐC Dự án thủy điện Sơn La*”.
4. Phạm Quang Hoan (Chủ biên) (2012), *Văn hóa các tộc người vùng lòng hồ và vùng tái định cư thủy điện Sơn La*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Phạm Văn Lợi (2015), “Tái định cư thủy điện Sơn La: sự sụt giảm diện tích đất canh tác, một số vấn đề đặt ra và giải pháp”, trong: *Kỷ yếu Hội nghị Thái học Việt Nam lần thứ VII*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 478-491.
6. Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Nhai (2015), Báo cáo “*Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác di dân trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai đến ngày 15.5.2015*”.
7. Ủy ban nhân dân xã Chiềng Bằng (2013), Đề án “*Xây dựng nông thôn mới xã Chiềng Bằng giai đoạn 2013 - 2020*”.
8. Ủy ban nhân dân xã Chiềng Bằng (2014), Báo cáo “*Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2014; Phương hướng mục tiêu nhiệm vụ giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2015*”.